**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ MÔN SINH HỌC 11. NĂM HỌC 2018 -2019**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Học sinh ôn tập kiến thức: về sinh trưởng phát triển của động vật và thực vật

- Học sinh rèn luyện kĩ năng làm bài trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

- Học sinh làm đề cương phần tự luận hoàn chỉnh vào vở bài tập.

**II. NỘI DUNG**

***1. Câu hỏi tự luận***

**Câu 1:** Nêu khái niệm: sinh trưởng, phát triển, mô phân sinh, hoocmon, quang chu kì, phitocrom, biến thái.

**Câu 2:** Phân biệt: sinh trưởng sơ cấp/sinh trưởng thứ cấp; cây ngày ngắn/ cây ngày dài/ cây trung tính; phát triển không qua biến thái/ qua biến thái không hoàn toàn/ qua biến thái hoàn toàn (về định nghĩa và ví dụ)

**Câu 3.** Kể tên các loại hoocmon ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của động vật và thực vật? Chỉ rõ nơi sản xuất và tác dụng của mỗi hoocmon?

***2. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan***

**Câu 1:** Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng sơ cấp?

**A.** Làm tăng kích thước chiều dài của cây.

**B.** Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.

**C.** Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

**D.** Diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

**Câu 2:** Lấy tuỷ làm tâm, sự phân bố của mạch rây và gỗ trong sinh trưởng sơ cấp như thế nào?

**A.** Gỗ nằm phía ngoài còn mạch rây nằm phía trong tầng sinh mạch.

**B.** Gỗ và mạch rây nằm phía trong tầng sinh mạch.

**C.** Gỗ nằm phía trong còn mạch rây nằm phía ngoài tầng sinh mạch.

**D.** Gỗ và mạch rây nằm phía ngoài tầng sinh mạch.

**Câu 3:** Mô phân sinh đỉnh không có ở vị trí nào của cây?

**A.** Ở đỉnh rễ. **B.** Ở thân. **C.** Ở chồi nách. **D.** Ở chồi đỉnh.

**Câu 4:** Sinh trưởng sơ cấp của cây là:

**A.** Sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều dài do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

**B.** Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động phân hoá của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

**C.** Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây cây hai lá mầm.

**D.** Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây cây một lá mầm.

**Câu 5:** Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng thứ cấp?

**A.** Làm tăng kích thước chiều ngang của cây.

**B.** Diễn ra chủ yếu ở cây một lá mầm và hạn chế ở cây hai lá mầm.

**C.** Diễn ra hoạt động của tầng sinh mạch.

**D.** Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần (vỏ).

**Câu 6:** Sinh trưởng thứ cấp là:

**A.** Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân thảo hoạt động tạo ra.

**B.** Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân gỗ hoạt động tạo ra.

**C.** Sự tăng trưởng bề ngang của cây một lá mầm do mô phân sinh bên của cây hoạt động tạo ra.

**D.** Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh lóng của cây hoạt động tạo ra.

**Câu 7:** Người ta sư dụng Auxin tự nhiên (AIA) và Auxin nhân tạo (ANA, AIB) để:

**A.** Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, hạn chế tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

**B.** Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

**C.** Hạn chế ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

**D.** Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả có hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

**Câu 8:** Gibêrelin có vai trò:

**A.** Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.

**B.** Làm giảm số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.

**C.** Làm tăng số lần nguyên phân, giảm chiều dài của tế bào và tăng chiều dài thân.

**D.** Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và giảm chiều dài thân.

**Câu 9:** Xitôkilin chủ yếu sinh ra ở:

**A.** Đỉnh của thân và cành. **B.** Lá, rễ **C.** Tế bào đang phân chia ở rễ, hạt, quả. **D.** Thân, cành

**Câu 10**: Auxin chủ yếu sinh ra ở:

**A.** Đỉnh của thân và cành. **B.** Phôi hạt, chóp rễ. **C.** Tế bào đang phân chia ở rễ, hạt, quả. **D.** Thân, lá.

**Câu 11:** Êtylen có vai trò:

**A.** Thúc quả chóng chín, ức chế rụng lá và rụng quả. **B.** Thúc quả chóng chín, rụng quả, kìm hãm rụng lá.

**C.** Thúc quả chóng chín, rụng lá kìm hãm rụng quả. **D.** Thúc quả chóng chín, rụng lá, rụng quả.

**Câu 12:** Người ta sử dụng Gibêrelin để:

**A.** Làm giảm độ nảy mầm của hạt, chồi, củ, kích thích sinh trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt.

**B.** Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây và phát triển bộ rễ, tạo quả không hạt.

**C.** Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt.

**D.** Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây, phát triển bộ lá, tạo quả không hạt.

**Câu 13:** Gibêrelin chủ yếu sinh ra ở:

**A.** Tế bào đang phân chia ở, hạt, quả. **B.** thân,cành. **C.** Lá, rễ.**D.** Đỉnh của thân và cành.

**Câu 14:** Axit abxixic (ABA)có vai trò chủ yếu là:

**A.** Kìm hãm sự sinh trưởng của cây, lóng, trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng mở.

**B.** Kìm hãm sự sinh trưởng của cành, lóng, làm mất trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng đóng.

**C.** Kìm hãm sự sinh trưởng của cành, lóng, gây trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng đóng.

**D.** Kìm hãm sự sinh trưởng của cành, lóng, làm mất trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng mở.

**Câu 15:** Hoocmôn thực vật là:

**A.** Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng điều tiết hoạt động của cây.

**B.** Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra chỉ có tác dụng ức chế hoạt động của cây.

**C.** Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng kháng bệnh cho cây.

**D.** Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra chỉ có tác dụng kích thích sinh trưởng của cây.

**Câu 16:** Xitôkilin có vai trò:

**A.** Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và phát triển chồi bên, làm tăng sự hoá già của tế bào.

**B.** Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và phát triển chồi bên, làm chậm sự hoá già của tế bào.

**C.** Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và làm chậm sự phát triển của chồi bên và sự hoá già của tế bào.

**D.** Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và làm chậm sự phát triển chồi bên, làm chậm sự hoá già của tế bào.

**Câu 17:** Không dùng Auxin nhân tạo đối với nông phẩm trực tiếp làm thức ăn là vì:

**A.** Làm giảm năng suất của cây sử dụng lá.

**B.** Không có enzim phân giải nên tích luỹ trong nông phẩm sẽ gây độc hại đơi với người và gia súc.

**C.** Làm giảm năng suất của cây sử dụng củ.

**D.** Làm giảm năng suất của cây sử dụng thân.

**Câu 18:** Những hoocmôn môn thực vật thuộc nhóm kìm hãm sự sinh trưởng là:

**A.** Auxin, xitôkinin. **B.** Auxin, gibêrelin. **C.** Gibêrelin, êtylen. **D.** Etylen, Axit absixic.

**Câu 19:** Auxin có vai trò:

**A.** Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra hoa. **B.** Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra lá.

**C.** Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ. **D.** Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra quả.

**Câu 20:** Axit abxixic (AAB) chỉ có ở:

**A.** Cơ quan sinh sản. **B.** Cơ quan còn non. **C.** Cơ quan sinh dưỡng. **D.** Cơ quan đang hoá già.

**Câu 21**: Êtylen được sinh ra ở:

**A.** Hầu hết các phần khác nhau của cây, đặc biệt trong thời gian rụng lá, hoa già, quả còn xanh.

**B.** Hầu hết các phần khác nhau của cây, đặc biệt trong thời gian rụng lá, hoa già, quả đang chín.

**C.** Hoa, lá, quả, đặc biệt trong thời gian rụng lá, hoa già, quả đang chín.

**D.** Hầu hết các phần khác nhau của cây, đặc biệt trong thời gian ra lá, hoa già, quả đang chín.

**Câu 22:** Các cây ngày ngắn là:

**A.** Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía. **B.** Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.

**C.** Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương. **D.** Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

**Câu 23:** Phitôcrôm Pđx có tác dụng:

**A.** Làm cho hạt nảy mầm, khí khổng mở, ức chế hoa nở. **B.** Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng mở.

**C.** Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng đóng.

**D.** Làm cho hạt nảy mầm, kìm hãm hoa nở và khí khổng mở.

**Câu 24:** Cây dài ngày là:

**A.** Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn một giá trị tới hạn nào đó

**B.** Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 10 giờ.

**C.** Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 12 giờ.

**D.** Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 14 giờ.

**Câu 25:** Các cây trung tính là cây;

**A.** Thanh long, cà tím, cà phê ngô, huớng dương. **B.** Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

**C.** Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương. **D.** Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

**Câu 26:** Quang chu kì là:

**A.** Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm.

**B.** Thời gian chiếu sáng xen kẽ với bóng tối bằng nhau trong ngày.

**C.** Thời gian chiếu sáng trong một ngày.

**D.** Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm trong một mùa.

**Câu 27:** Cây cà chua đến tuổi lá thứ mấy thì ra hoa?

**A.** Lá thứ 14. **B.** Lá thứ 15. **C.** Lá thứ 12. **D.** Lá thứ 13.

**Câu 28:** Florigen kích thích sự ra hoa của cây được sinh ra ở:

**A.** Chồi nách. **B.** Lá. **C.** Đỉnh thân. **D.** Rễ.

**Câu 29:** Phitôcrôm là:

**A.** Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

**B.** Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

**C.** Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các lá cần ánh sáng để quang hợp.

**D.** Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

**Câu 30:** Phát triển ở thực vật là:

**A.** Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện qua hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**B.** Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện ở ba quá trình không liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**C.** Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện ở ba quá trình liên quan với nhau là sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**D.** Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện qua hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**Câu 36:** Tuổi của cây một năm được tính theo:

**A.** Số lóng. **B.** Số lá. **C.** Số chồi nách. **D.** Số cành.

**Câu 37:** Cây trung tính là:

**A.** Cây ra hoa ở ngày dài vào mùa mưa và ở ngày ngắn vào mùa khô.

**B.** Cây ra hoa ở cả ngày dài và ngày ngắn.

**C.** Cây ra hoa ở ngày dài vào mùa lạnh và ở ngày ngắn vào mùa nóng.

**D.** Cây ra hoa ở ngày ngắn vào mùa lạnh và ở ngày dài vào mùa nóng.

**Câu 38:** Các cây ngày dài là các cây:

**A.** Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương. **B.** Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

**C.** Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường. **D.** Thanh long, cà tím, cà phê ngô, huớng dương.

**Câu 39:** Khi nói về giberilin (GA), có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

1. Kích thích sinh trưởng kéo dài của tế bào
2. Kích thích ra hoa
3. Là một trong hai thành phần của hoocmon ra hoa florigen
4. Tác dụng kích thích hay kìm hãm không phụ thuộc vào nồng độ
5. Trong phân tử có chứa nguyên tố nito
6. 2 **B**. 3 **C**. 4 **D**. 5

**Câu 40:** Testostêrôn được sinh sản ra ở:

**A.** Tuyến giáp. **B.** Tuyến yên. **C.** Tinh hoàn. **D.** Buồng trứng.

**Câu 41:** Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn là:

**A.** Cá chép, gà, thỏ, khỉ. **B.** Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.

**C.** Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua. **D.** Châu chấu, ếch, muỗi.

**Câu 42:** Biến thái là:

**A.** Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và từ từ về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

**B.** Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và đột ngột về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

**C.** Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

**D.** Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

**Câu 43:** Ơstrôgen có vai trò:

**A.** Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.

**B.** Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.

**C.** Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

**D.** Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.

**Câu 44:** Tirôxin có tác dụng:

**A.** Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.

**B.** Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.

**C.** Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.

**D.** Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

**Câu 45:** Hoocmôn sinh trưởng có vai trò:

**A.** Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.

**B.** Kích thích chuyển hoá ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.

**C.** Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.

**D.** Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

**Câu 46:** Vì sao đối vớ động vật hằng nhiệt khi đến mùa rét thì sự sinh trưởng và phát triển bị ảnh hưởng?

**A.** Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá, sinh sản giảm.

**B.** Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể tăng tạo nhiều năng lượng để chống rét.

**C.** Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.

**D.** Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

**Câu 47:** Các nhân tố môi trường có ảnh hưởng rõ nhất vào giai đoạn nào trong quá trình phát sinh cá thể người?

**A.** Giai đoạn phôi thai. **B.** Giai đoạn sơ sinh. **C.** Giai đoạn sau sơ sinh. **D.** Giai đoạn trưởng thành.

**Câu 48:** Khi trời rét thì động vật biến nhiệt sinh trưởng và phát triển chậm là vì:

**A.** Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.

**B.** Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể mạnh tạo nhiều năng lượng để chống rét.

**C.** Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

**D.** Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể tăng, sinh sản giảm.

**Câu 49:** Ecđixơn có tác dụng:

**A.** Gây ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.

**B.** Gây ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.

**C.** Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.

**D.** Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.

**Câu 50.** Các biện pháp có thể sử dụng để điều khiển sinh trưởng phát triển của động vật là:

1. Tạo giống mới
2. Xây dựng chuồng trại hợp lí
3. Điều khiển tỉ lệ giới tính vật nuôi
4. Tiêm các loại hoocmon
5. Cho vật nuôi vận động, tắm nắng, nghe nhạc,…

Có bao nhiêu nhận định đúng?

1. 2 **B**. 3 **C**. 4 **D**. 5